

Nghệ An, ngày tháng năm 2022

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2023

- + Thời vụ gieo trồng: Nhóm có thời gian sinh trưởng từ 135-140 ngày (gieo mạ từ 05-10/01, cấy từ 25-30/01/2023); Nhóm có thời gian sinh trưởng

130-135 ngày: (gieo mạ từ 11-15/01, cấy từ 01-05/01/2023); Nhóm có thời gian sinh trưởng xung quanh 125-130 ngày (gieo mạ từ 16- 20/01, dự kiến cấy từ 06-10/02/2023);

Lưu ý: Tùy vào điều kiện thực tế của địa phương, đặc biệt là vùng thấp trũng và thường xuyên ngập lụt, vùng Hè thu chạy lụt thì có thể bố trí gieo trồng sớm hơn 5-7 ngày so với khung thời vụ nêu trên.

- **Cây ngô:** Diện tích dự kiến 19.300 ha (16.800 ha ngô lấy hạt và 2.500 ha ngô sinh khối) thời gian gieo trồng tập trung từ 04- 28/2

- **Cây lạc:** Diện tích dự kiến 9.500 ha; thời gian gieo từ ngày 25/01/2023, kết thúc trước ngày 25/2/2023

- **Rau các loại:** Diện tích dự kiến 12.500 ha, tranh thủ gieo trồng khi có quỹ đất và điều kiện thời tiết thuận lợi.

- **Cây sắn nguyên liệu:** Diện tích dự kiến 10.000 ha;

- **Cây mía nguyên liệu cả năm:** Diện tích dự kiến 21.000 ha.

II. DỰ TÍNH DỰ BÁO SVGH CHÍNH TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH VỤ XUÂN 2023

2.1. Trên cây lúa

2.1.1. Rầy nâu, rầy lưng trắng

- **Rầy nâu:** Trong điều kiện vụ Xuân rầy có thể sẽ phát sinh thành 2 đợt chính:

+ Đợt 1: Phát sinh gây hại từ giai đoạn lúa đẻ nhánh đến đứng cái, ở giai đoạn này rầy thường phát cục bộ dưới dạng các ổ rầy.

+ Đợt 2: Gây hại từ giai đoạn lúa làm đồng trở đi (vào khoảng tháng 4 đến tháng 5), ở đợt này do được tích lũy mật độ từ đợt 1 nên phạm vi, mức độ gây hại của rầy thường lớn, dễ gây ra hiện tượng cháy rầy vào thời kỳ cuối vụ.

- **Rầy lưng trắng:** Rầy lưng trắng thường xâm nhập vào ruộng sớm, ngay từ thời kỳ mạ. Trong vụ, rầy lưng trắng thường không phát sinh thành lứa rõ ràng như rầy nâu song mật độ rầy thường có 3 cao điểm vào giai đoạn lúa đẻ nhánh (cuối tháng 2 - tháng 3), giai đoạn lúa làm đồng - ôm đồng (tháng 4) và giai đoạn lúa trổ - ngậm sữa (cuối tháng 4 đầu tháng 5). Ngoài tác hại trực tiếp, rầy lưng trắng còn là môi giới truyền bệnh lùn sọc đen trên cây lúa do đó cần đặc biệt chú ý theo dõi để có biện pháp phòng trừ kịp thời.

2.1.2. Sâu cuốn lá nhỏ: Vụ Xuân, sâu thường phát sinh 3 lứa chính: Lúa 1, vào thời kỳ lúa đẻ nhánh (từ cuối tháng 2 đến tháng 3) song mật độ sâu thường không cao; Lúa 2, phát sinh gây hại từ giai đoạn lúa đứng cái làm đồng trổ (đầu đến giữa tháng 4) và thường có mật độ cao cục bộ, gây ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển, năng suất lúa. Lúa 3, phát sinh gây hại vào đầu đến giữa tháng 5 song ít ảnh hưởng đến năng suất lúa.

2.1.3. Sâu đục thân bướm 2 chấm: Trong vụ Xuân cần tập trung theo dõi sự phát sinh gây hại của sâu lúa 2 phát sinh từ trung tuần tháng 4 trở đi, trùng với thời gian lúa xuân ôm đòng - trổ.

2.1.4. Bệnh đạo ôn: Vụ Xuân là vụ có điều kiện thời tiết thuận lợi cho bệnh đạo ôn phát sinh, lây lan gây hại. Đặc biệt trong một vài năm gần đây, phạm vi và mức độ gây hại của bệnh đang có chiều hướng gia tăng. Dự báo:

- *Đạo ôn lá:* Bệnh có thể phát sinh sớm từ thời kỳ mạ song thường gây hại nặng từ giai đoạn lúa đẻ nhánh rộ trở đi (cuối tháng 2 đầu tháng 3). Trường hợp khi gieo trồng các giống nhiễm bệnh, gặp điều kiện thời tiết âm u, ẩm độ cao kéo dài,... bệnh sẽ phát sinh, lây lan nhanh, trên diện rộng và có thể gây cháy lụi nếu không được phòng trừ kịp thời. Kết quả theo dõi trong những năm qua cho thấy: Các giống như: Thiên ưu 8, Vật tư NA6, TBR225, Hương Ưu 98, AC5, BC15, P6, ADI28, ADI168, Thái Xuyên 111,... thường bị bệnh gây hại nặng hơn nhiều so với các giống khác.

- *Đạo ôn cổ bông:* Mức độ gây hại của bệnh phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện thời tiết giai đoạn lúa trổ đến ngâm sữa. Ở giai đoạn này, nếu gặp điều kiện thiếu ánh sáng, ẩm độ cao, mưa kéo dài,... bệnh sẽ phát sinh gây hại nặng, đặc biệt trên các giống nhiễm đã nêu trên. Nếu giai đoạn lúa trổ đến ngâm sữa gặp điều kiện thời tiết khô nóng, sự gây hại của bệnh thấp.

2.1.5. Bệnh lùn sọc đen: Trong những năm gần đây sự gây hại của bệnh lùn sọc đen trên lúa Xuân là không đáng kể. Tuy nhiên nguồn bệnh có thể được lan truyền qua rầy môi gới do đó bệnh vẫn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh gây hại trong vụ xuân năm 2023 song mức độ không cao.

2.1.6. Bệnh khô vằn: Là đối tượng gây hại phổ biến trên ruộng. Cao điểm gây hại của bệnh thường từ giai đoạn lúa ôm đòng trổ đến đổ đui, đặc biệt là trên những diện tích bón phân không cân đối, thừa đạm, cây dày,... Trong những năm gần đây nhiều vùng bị bệnh gây thiệt hại đáng kể đến năng suất lúa.

2.1.7. Bệnh lem lép hạt: Là bệnh có khả năng ảnh hưởng lớn đến năng suất, mẫu mã và chất lượng sản phẩm lúa. Mức độ gây hại của bệnh phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết giai đoạn lúa trổ, ở thời kỳ này nếu gặp điều kiện thời tiết thiếu ánh sáng, ẩm độ cao, mưa kéo dài bệnh lem lép hạt sẽ phát sinh gây hại nặng, ảnh hưởng lớn đến năng suất.

2.1.8. Bệnh bạc lá và đốm sọc do vi khuẩn: Bệnh thường phát sinh gây hại vào giai đoạn giữa đến cuối vụ. Đặc biệt, bệnh lây lan nhanh, gây hại nặng sau những cơn giông đầu mùa, kèm theo gió lớn. Bệnh hại nặng trên các giống lúa lai và trên các giống lúa thuần chất lượng cao như: Bắc thơm 7, NA6,... những chân ruộng sâu, ruộng bón phân không cân đối, bón lai rai, bón thừa đạm,...

2.1.9. Chuột: Trong những năm gần đây, chuột có xu hướng ngày càng gây hại nặng trên diện rộng, vì vậy nguy cơ chuột gây hại thành dịch trong vụ xuân 2023 là rất lớn nếu không tổ chức phòng trừ kịp thời ngay từ đầu vụ sản xuất.

2.1.10. Nhện gié: Đây là đối tượng tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng và khó phòng trừ trong sản xuất lúa. Trong những năm qua diện tích, mức độ gây hại của nhện gié ngày càng lớn. Việc điều tra phát hiện còn gặp nhiều khó khăn do nhện có kích thước nhỏ, triệu chứng gây hại khá giống với triệu chứng do nấm bệnh gây ra. Ngoài ra sự gây hại của nhện còn tạo điều kiện thuận lợi cho nấm, vi khuẩn xâm nhập gây hại tạo ra thiệt hại kép trên đồng ruộng. Nhện gié có nguy cơ phát sinh gây hại nặng vào thời kỳ lúa ôm đòng đến trổ.

2.1.11. Hiện tượng vàng lá sinh lý: Hiện tượng này thường xuất hiện vào thời kỳ lúa đẻ nhánh rộ đến làm đòng, sau thời gian nhiệt độ thấp, trời âm u, thiếu ánh sáng kéo dài sau đó gặp điều kiện nắng nóng xen kẽ các đợt không khí lạnh làm cho cây lúa bị đổ khô đầu lá, đặc biệt trên những ruộng bón thừa đạm gây tâm lý lo lắng cho người sản xuất. Đây không phải là bệnh truyền nhiễm mà là bệnh sinh lý do điều kiện thời tiết gây ra.

2.1.12. Các đối tượng khác như: Bọ xít dài, bọ xít đen, nhện gié, bệnh thối thân thối bẹ, ốc bươu vàng,... là những đối tượng có thể phát sinh gây hại, cục bộ, một số vùng có thể bị gây hại nặng làm ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất lúa, do đó cần phải được quan tâm theo dõi để phòng trừ kịp thời khi cần thiết.

2.2. Trên cây lạc:

2.2.1. Sâu khoang, sâu xanh, sâu cuốn lá: Trong vụ Xuân, sâu thường phát sinh thành 2 giai đoạn chính: Giai đoạn lạc phân cành (*nếu mật độ sâu cao sẽ làm cho lạc bị trụi lá, không phát triển được*); giai đoạn lạc đâm tia hình thành quả trở đi (*ở giai đoạn này nếu mật độ sâu cao sẽ cắn trụi hoa, lá làm cho lạc không phát triển được ảnh hưởng đến năng suất*).

2.2.2. Bệnh thối gốc, lở cổ rễ: Là bệnh phổ biến trên ruộng lạc do nấm gây nên. Ở thời kỳ cây con bệnh thối gốc mốc đen thường gây hại nặng còn thối gốc mốc trắng thường gây hại nặng vào thời kỳ lạc ra hoa trở đi, đặc biệt bệnh thường gây hại nặng trong điều kiện mưa ẩm, ruộng thoát nước kém.

2.2.3. Các bệnh khác như: Bệnh mốc xám, đốm nâu, đốm đen, rỉ sắt,...là những bệnh thường gặp trên ruộng lạc.

2.3. Cây ngô

2.3.1. Sâu keo mùa thu: Là loài có sức phá hoại lớn, sức sinh sản cao, thời gian trưởng đẻ trứng dài, thời gian phá sâu non tương đối ngắn do đó trên đồng ruộng có hiện tượng các lứa sâu gối nhau nên việc phòng trừ gặp nhiều bất lợi, nhất là đối với sâu tuổi lớn. Mặt khác do thời vụ ngô Xuân trên địa bàn Nghệ An khác phức tạp, một số vùng sản xuất chuyên canh ngô do đó trên đồng ruộng luôn có sẵn nguồn ký chủ rất thuận lợi cho sự phát sinh gây hại của sâu. Dự báo trong vụ Xuân 2023 sâu keo mùa thu sẽ diễn biến phức tạp, khả năng các trà ngô bị sâu gây hại nặng là rất lớn.

2.3.2. Sâu xám: Vụ xuân có điều kiện thời tiết thích hợp cho sâu xám phát sinh gây hại. Sâu gây hại nặng vào thời kỳ cây con, làm khuyết mật độ trên

ruộng. Trên chân đất cát pha, thịt nhẹ, bãi bồi ven sông thường bị sâu gây hại nặng hơn.

2.3.3. Sâu đục thân, đục bắp: Là đối tượng hại quan trọng trên cây ngô, sâu phát sinh gây hại trong suốt cả vụ. Ở thời kỳ cây con sâu đục ngang ngọn, thời kỳ ngô xoáy nõn sâu chủ yếu tập trung gây hại ở phía trong loa kèn, khi cây ngô lớn sâu đục vào trong thân, bắp làm cho cây dễ bị gãy khi gặp gió to. Trong vụ sâu thường có mật độ cao và gây hại nặng từ giai đoạn ngô xoáy nõn trở đi.

2.3.4. Chuột hại: Trên các cây trồng vụ Đông hiện nay chuột đã và đang phát sinh gây hại, đặc biệt một vùng ven làng gần còn vệ,... Do đó chuột có nguy cơ gây hại nặng trên một số diện tích trồng ngô vụ Xuân là rất cao.

2.3.4. Các bệnh khác: Bệnh khô vằn, khô cây, đốm lá, bệnh rỉ sắt, bệnh phấn đen, bạch tạng, ... là những bệnh có thể phát sinh gây hại đối với ngô. Tuy nhiên tác hại là không lớn hoặc chỉ ở phạm vi hẹp song cũng cần phải được quan tâm theo dõi để phòng trừ khi cần thiết.

2.4. Cây mía

2.4.1. Bệnh chồi cỏ: Bệnh do *Phytoplasma* gây ra, bệnh lan truyền chủ yếu qua hom giống. Triệu chứng bệnh thường xuất hiện nhiều vào tháng 1 - 4 và tháng 10 - 11 hàng năm.

4.2. Các đối tượng khác như: Rệp xơ trắng, sâu đục thân, bệnh đốm đỏ, rỉ sắt, bệnh cháy lá, bệnh thối đọt, bệnh than đen... phát sinh gây hại quanh năm, tuy nhiên mức độ hại của các đối tượng này trong vụ xuân là không cao. Ngoài ra, cần chú ý các đối tượng khác như: Bọ xít, châu chấu, bọ hung, chuột.

2.5. Cây có múi

2.5.1. Rầy chổng cánh: Sự phát sinh của rầy thường gắn với các đợt lộc trong năm, đặc biệt là lộc xuân và lộc thu. Ngoài những tác hại trực tiếp thì rầy còn là môi giới truyền bệnh *Greening* cho cây cam do đó cần đặc biệt lưu ý theo dõi và phòng trừ..

2.5.2. Sâu vẽ bùa: Sâu phát sinh gây hại quanh năm song cao điểm gây hại của sâu thường gắn liền với các đợt ra lộc, đặc biệt là lộc xuân và lộc thu. Sự gây hại của sâu vẽ bùa còn tạo điều kiện cho bệnh loét, sọc phát sinh gây hại nặng.

2.5.3. Nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng: Nhện phát sinh gây hại quanh năm song thường phát triển mạnh vào giai đoạn cây ra quả và trời nắng ấm. Trong vụ Xuân, nhện thường có mật độ cao vào tháng 4 - 6. Nhện gây hại làm cho cây phát triển kém, quả bị rám làm giảm giá trị thương phẩm.

2.5.4. Bệnh greening: Bệnh do vi khuẩn gây ra và lây lan trên đồng ruộng do môi giới là rầy chổng cánh, dụng cụ cắt tía,... bệnh làm cho cây sinh trưởng kém và tàn lụi nhanh chóng. Những vườn cam chăm sóc kém, vườn lâu năm, không được phòng trừ tốt rầy chổng cánh thường có tỷ lệ cây bị bệnh cao. Hiện nay hầu hết các các vùng trồng cam trong tỉnh đều có tỷ lệ, diện tích bị nhiễm

bệnh Greening khá lớn. Do đó khả năng lây lan gây hại nặng của bệnh thời gian tới là rất lớn, một số diện tích sẽ thể bị tàn lụi cần phải tiêu hủy.

2.5.5. Bệnh vàng lá thối rễ : Sau những đợt mưa, bộ rễ tơ của cây ăn quả có múi bị tổn thương, bị nghẹn rễ; Sau đó bị nấm bệnh và tuyến trùng tấn công làm cho bộ rễ tơ cây ăn quả có múi bị thối, không hút được nước và dinh dưỡng dẫn đến cây vàng lá, rụng quả, bị hại nặng cây có thể héo và chết cây.

2.5.6. Các đối tượng khác như: Câu cầu, sâu đục cành, bệnh loét, sẹo, thối gốc, muội đen, nứt thân chảy mủ,... là những đối tượng gây hại phổ biến và thường xuyên trên vườn cần chú ý theo dõi để phòng trừ kịp thời.

2.6. Cây chè

2.6.1. Rầy xanh: Cả rầy non và trưởng thành đều gây hại ở lá non, búp. Rầy chích hút dịch ở gân chính, gân phụ, cuống búp, tạo thành các chấm nhỏ li ti. Chè bị hại nặng lá và búp bị chùn lại, lá chè khô dần từ chóp lá. Trong vụ xuân, rầy thường phát sinh thành nhiều lứa nhưng hại nặng vào tháng 4 - 5.

2.6.2. Bọ trĩ (bọ cánh tơ): Phát sinh gây hại quanh năm, từ tháng 2- 4 mật độ tăng chậm, tháng 5 - 7 mật độ tăng nhanh. Bọ trĩ gây hại nặng làm cho cây không ra được búp ảnh hưởng lớn đến năng suất chè.

2.6.3. Bệnh phòng lá chè: Bệnh do nấm gây nên, bệnh chủ yếu hại bộ phận non của búp. Bệnh gây hại mạnh vào thời gian đầu xuân (tháng 2 - 4) và cuối thu (tháng 9-12) đặc biệt trong điều kiện có mưa phùn kéo dài hoặc sương mù trời âm u thiếu ánh sáng.

2.6.4. Bệnh thán thư: Bệnh do nấm *Gloeosporium theaeiensis* gây ra, gây triệu chứng chết khô trên chè. Nấm bệnh phát sinh lây lan gây hại mạnh trong điều kiện thời tiết mưa ẩm, đặc biệt trên những diện tích chè sau đốn.

2.7. Cây sắn :

- **Bệnh khảm lá sắn:** Bệnh do vi rút Sri Lankan Cassava Mosaic virus gây ra, nếu gây hại sớm sẽ không cho thu hoạch, nhiễm bệnh muộn làm cho cây phát triển kém làm giảm năng suất, phẩm chất sản phẩm. Bệnh lan truyền trên đồng ruộng qua hom giống, củ sắn nhiễm bệnh sót lại trên ruộng và qua môi giới là bọ phấn trắng. Trong năm 2022 bệnh đã phát sinh gây hại nặng trên diện rộng. Vì vậy niên vụ sắn năm 2023 bệnh có nguy cơ sẽ tiếp tục phát sinh gây hại nặng trên diện rộng. Đặc biệt hiện nay không các vùng trồng sắn nông dân chưa chủ động được nguồn giống sạch bệnh, giống kháng bệnh do đó việc sử dụng nguồn giống tại chỗ sẽ làm cho phạm vi, mức độ gây hại của bệnh ngày càng trầm trọng.

III. GIẢI PHÁP PHÒNG TRỪ

3.1. Giải pháp kỹ thuật phòng trừ

3.1.1. Trên cây lúa

Thực hiện tốt các biện pháp canh tác kỹ thuật như :

- Vệ sinh đồng ruộng, cày bừa kỹ trước khi gieo cấy.

- Thực hiện che phủ nilon trên 100% diện tích mạ. Không gieo sạ vào những ngày rét đậm, rét hại.

- Chỉ đạo gieo cấy tập trung đúng lịch thời vụ của địa phương, tỉnh đã quy định cho từng giống, từng vùng.

- Bón phân cân đối, tăng cường vôi, phân hữu cơ, lân và kali; tập trung bón lót, bón thúc sớm, đặc biệt trên các trà muộn có thời gian sinh trưởng ngắn. Trên một xứ đồng, tập trung cấy gọn trong 2 - 3 ngày để thuận lợi trong việc chăm sóc và quản lý dịch bệnh.

- Cấy với mật độ: 30 - 40 khóm/m² và 1 - 2 dảnh/khóm đối với lúa lai; 40 - 50 khóm/m² và 2 - 3 dảnh/khóm đối với lúa thuần để hạn chế sâu, bệnh phát sinh gây hại.

- Tăng cường ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật BVTV vào sản xuất như: Phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM), thâm canh lúa cải tiến (SRI), ICM, ...

a. Đối rầy lưng trắng, rầy nâu và bệnh lùn sọc đen:

- Không gieo mạ gần đường đi, gần các nguồn sáng ban đêm để hạn chế thu hút rầy gây hại và truyền bệnh.

- Thực hiện che phủ nilon cho 100% diện tích mạ để chống rét, chống chuột, chống rầy xâm nhập gây hại và truyền bệnh lùn sọc đen. Khuyến khích nông dân xử lý hạt giống để hạn chế rầy và một số bệnh hại truyền qua hạt giống.

- Ngay sau khi mở nilon cần thường xuyên điều tra theo dõi để phát hiện kịp thời sự gây xâm nhập gây hại của rầy. Neeos phát hiện moorrj độ rầy cao cần phun trừ bằng các thuốc trừ rầy nội hấp như: Triflumezopyrim (Dupont Pexena 106 SC), Pymetrozine (Chess 50WG, Chatot 600WG,...); Acetamiprid+ Imidacloprid (Sutin 50SC,...); Clothianidin (Dantotsu 16WSG); Dinotefuran (Oshin 20WP, Cyo super 200 WP,...); để phun cho mạ nhằm hạn chế rầy gây hại và truyền bệnh.

- *Đối với lúa giai đoạn từ gieo cấy đến trổ:* Sau khi gieo cấy thường xuyên, điều tra phát hiện, thu mẫu rầy lưng trắng để giám định vi rút và tổ chức bao vây phun trừ kịp thời theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) bằng các loại thuốc nội hấp như trên hoặc phối hợp thuốc nội hấp với thuốc tiếp xúc như: Fenobucarb (Bassa 50EC,...); Nitenpyram (Elsin 10 EC);... để diệt trừ rầy nhanh, không để lây lan trên diện rộng.

- *Đối với diện tích lúa từ thời kỳ trổ- chín sạ:* Công tác phòng trừ rầy nâu, rầy lưng trắng từ giai đoạn này chủ yếu hạn chế sự gây hại trực tiếp của rầy. Do đó chỉ khuyến cáo phun trừ trên khi có mật độ từ 2.000 con/m² trở lên bằng các loại thuốc có tác dụng tiếp xúc như trên để phun trừ.

- *Đối với ruộng lúa khi phát hiện đã bị nhiễm bệnh lùn sọc đen:* Nhổ tiêu hủy những cây bị bệnh bằng cách vùi kỹ xuống bùn và cây dặm lại bằng cây khỏe. Trước khi nhổ cây bị bệnh hoặc tiêu hủy cần kiểm tra nếu có rầy gây hại

thì tổ chức bao vây phun diệt trừ rầy bằng bằng các loại thuốc có tác dụng tiếp xúc, xông hơi.

b. Đối với sâu cuốn lá nhỏ:

- Giai đoạn từ cây đến đẻ nhánh: Chỉ tiến hành phòng trừ bằng thuốc BVTV khi có mật độ sâu non từ 50 con/m² trở lên.

- Giai đoạn làm đòng - trổ: Đây là giai đoạn mà sự gây hại của sâu thường ảnh hưởng lớn đến năng suất. Vì vậy, khi có mật độ sâu từ 20-30 con/m² trở lên cần phải tổ chức phòng trừ ngay.

- Sử dụng các loại thuốc trừ cuốn lá có hoạt chất như: Indoxacarb (Ammate 150SC, Clever 150SC; 300WG, Obaone 95WG,...), Chlorantraniliprole (Prevathon 5SC, Voliam targo 063SC, Virtako 40WG,...), Flubendiamide (Takumi 20WG,...). Phun theo liều khuyến cáo vào giai đoạn sâu tuổi nhỏ (tuổi 1-3)

c. Đối với sâu đục thân lúa 2 chấm:

- Ở giai đoạn lúa đẻ nhánh: Nếu mật độ cao (từ 0,5 ổ trứng/m² trở lên) cần tiến hành phòng trừ bằng biện pháp hóa học để vừa hạn chế danh héo vừa hạn chế được nguồn sâu lúa sau gây hại.

- Thời kỳ làm đòng - trổ: Giám sát chặt chẽ đồng ruộng, khi phát hiện có mật độ 0,3 ổ trứng/m² trở lên cần tổ chức phun trừ ngay.

- Sử dụng các loại thuốc trừ sâu đục thân có hoạt chất như: Chlorantraniliprole (Dupont Prevathon 5SC, Voliam targo 063SC, Virtako 40WG,...); Cartap (Padan 95SP, Patox 95SP,...)...theo liều lượng khuyến cáo (nếu mật độ ổ trứng cao > 0,5 ổ/m² cần phun 2 lần cách nhau 5 ngày)

d. Đối với chuột: Điều tra xác định những vùng có nguy cơ bị chuột gây hại cao để có kế hoạch tổ chức phòng trừ chuột ngay từ đầu vụ bằng các biện pháp như:

- Vệ sinh đồng ruộng, tàn dư cây trồng, phát quang bờ bụi rậm để hạn chế nơi cư trú của chuột.

- Tổ chức phát động nhân dân tham gia bắt diệt chuột bằng các biện pháp thủ công như: đào bắt hoặc dùng các loại bẫy bán nguyệt, bẫy kẹp, bẫy sập,... để bắt diệt.

- Sử dụng các loại thuốc có hoạt chất như: Diphacinone, Brodifacoum, Bromadiolone, Flocoumafen, Coumatetralyl,... Bả được đặt trước cửa hang, đường đi lại của chuột.

Một số lưu ý để đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả bắt diệt chuột: Thời điểm diệt chuột tốt nhất ngay từ đầu vụ khi ngoài đồng chưa có cây trồng hoặc sau các trận lụt. Diệt chuột phải thường xuyên và mang tính cộng đồng. Khi sử dụng bả diệt chuột phải được quản lý chặt chẽ, xác chuột chết phải thu gom lại đốt thiêu hủy hoặc chôn cách xa khu dân cư, xa nguồn nước sinh hoạt, khi chôn rắc vôi xuống phía dưới và phía trên rồi lấp đất nén chặt.

d. Đối với bệnh đạo ôn, lem lép hạt, nhện gié:

- *Đối với đạo ôn lá:* Trên ruộng mạ nếu bị bệnh nặng cần xử lý bằng thuốc đặc hiệu trước khi nhổ cấy từ 3 – 5 ngày. Từ giai đoạn lúa đẻ nhánh trở đi cần tăng cường công tác điều tra, phát hiện bệnh, đặc biệt chú ý trên các giống có mức độ nhiễm bệnh cao. Khi phát hiện bệnh, gặp điều kiện thời tiết thuận lợi như (trời âm u, ẩm độ cao, mưa,...), cần giữ đủ nước trên ruộng, tạm thời dừng bón thúc đạm, phân bón lá và tiến hành phòng trừ ngay bằng thuốc BVTV đặc hiệu như: Tricyclazole (Beam 75WP, Kabim 30WP, Filia 525SE, Newbem 750WP,...); fenoxanil (Kasoto 200SC, Katana 20 SC, Ninja 35EC,...), Isoprothiolane (Bankan 600WP, Fuji One 40WP,...); Edifenphos + Isoprothiolane (Difusan 40EC,... đối với diện tích bị hại nặng),... phun theo lượng khuyến cáo, nếu bệnh vẫn tiếp tục phát sinh cần phun lại lần 2 sau phun lần 1 từ 5 - 7 ngày, khi bệnh ngừng phát triển mới tiến hành chăm bón trở lại.

- *Đối với đạo ôn cổ bông, gié, nhện gié và bệnh lem lép hạt:* Trong thời gian lúa bắt đầu trổ đến trổ hoàn toàn nếu có nguy cơ gặp điều kiện thời tiết thuận lợi cho bệnh phát sinh phát triển như: Thiếu ánh sáng, mưa, ẩm độ cao,... nhất thiết phải tổ chức phun phòng bệnh ngay bằng các loại thuốc đặc hiệu như đối với đạo ôn lá kết hợp với thuốc trừ bệnh lem lép hạt như Difenconazole + Propiconazole (Tilt super 300ND,...); Propiconazole (Tiptop 250 EC, Tilt 250 EC,...); Azoxystrobin + Difenconazole (Amistar top 325 SC,...); Tebuconazole + Trifloxystrobin (Nativo 750WG,...);... để hạn chế cùng lúc 03 đối tượng trên. Thời điểm phun thuốc: Phun khi lúa bắt đầu trổ và phun lại lần 2 khi lúa đã trổ hoàn toàn nếu điều kiện thời tiết tiếp tục thuận lợi cho bệnh phát sinh phát triển. Khi phun thuốc cần chú ý đảm bảo đủ lượng nước thuốc tối thiểu 24 lít/sào và tránh phun thuốc vào thời gian lúa đang phơi mao. Trường hợp thời gian lúa ôm đòng đến trổ gặp điều kiện nắng nóng, ẩm độ thấp chỉ cần tổ chức phun trừ đối với nhện gié vào giai đoạn lúa ôm đòng bằng một trong các loại thuốc như: Hexythiazox (Nissorun 5EC,...); Fenitrothion (Danitol 50EC,...),...

e. Đối với bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn: Bón phân cân đối, tăng cường vôi, phân hữu cơ, lân và kali; tập trung bón lót, bón thúc sớm. Phun phòng sớm để hạn chế bệnh khi có dịch vi khuẩn xuất hiện (vết bệnh chưa hình thành rõ) bằng một trong các loại thuốc có hoạt chất như sau: Oxolinic acid (Starnier 20WP,...); Bronopol (Xantoxin 40WP, Totan 200WP,...); Bismethiazol (Xanthomix 20WP,...); Ningnamycin (Bonny 4SL, Kozuma 5WP,...); Kasugamycin (Kasumin 2SL,...); Steptomycin Sulfate (Ychatot 900SP, Probencarb 250WP, ...),... phun đều trên ruộng, phun lại lần 2 cách 7- 10 ngày khi bệnh có tỷ lệ 3 - 5% (*Chú ý không sử dụng đạm, kích thích sinh trưởng hoặc phân bón lá trên diện tích lúa đã nhiễm bệnh*).

f. Đối với bọ xít dài: Ở thời kỳ lúa trổ nếu có mật độ từ 4 - 6 con/m² trở lên cần tổ chức phòng trừ bằng một trong các loại thuốc có hoạt chất như: Fenobucarb (Bassa 50EC,...); Alpha Cypermethrin (Fastac 5EC, bestoc 5EC,...);.... Phun vào lúc sáng sớm hoặc chiều tối là lúc an toàn cho lúa và bọ xít ít di chuyển.

h. Đối với bệnh khô vằn: Từ giai đoạn lúa làm đồng trở đi nếu phát hiện có trên 10% số dảnh bị nhiễm bệnh cần giữ đủ nước trên ruộng và dùng một trong các loại thuốc có hoạt chất: Validamycin (Jinggang meizu 5-10WP, Validacin 3-5L, Vida 5WP...); Pencycuron (Moren 25WP); Hexaconazole (Anvil 5SC,...);... pha theo liều hướng dẫn, phun đều vào phần thân, gốc lúa.

3.1.2. Trên cây lạc

a. Sâu khoang, sâu xanh, sâu cuốn lá: Theo dõi chặt chẽ sự phát sinh gây hại của sâu ngay từ đầu vụ, Khi sâu có mật độ cao sử dụng các loại thuốc có hoạt chất như: Indoxacarb (Ammate 150SC, Clever 150SC; 300WG, Opulent 150SC, Obaone 95WG,...); Flubendiamide (Takumi 20WG,...); Eamectin benzoate (Angun 5 WDG, Map Winner 5WG,...) phun theo liều khuyến cáo

b. Nhóm bệnh hại: Chỉ đạo gieo trồng đúng quy trình kỹ thuật, bón phân cân đối đủ số lượng, chú ý tăng cường phân chuồng hoai mục, vôi và lên luống cao (đối với những vùng đất thấp), có rãnh thoát nước nhanh khi gặp mưa to. Chỉ sử dụng thuốc trừ bệnh trong trường hợp bệnh gây hại nặng.

3.1.3. Trên cây ngô

a. sâu keo mùa thu:

Xác định việc phòng chống sâu keo mùa thu phải dựa trên các nguyên tắc cơ bản của chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM). Các biện pháp cụ thể gồm:

- Biện pháp canh tác
 - + Làm sạch cỏ dại để hạn chế nơi trú ẩn của sâu.
 - + Làm đất kỹ để diệt ấu trùng, nhộng và dễ dàng bị thiên địch tiêu diệt.
 - + Khuyến khích sử dụng các giống kháng, giống chống chịu để thay thế các giống bị sâu gây hại nặng. (hiện nay các giống ngô chuyển gen như DK 6919S, DK 9955S, NK 4300GT/Bt, CP 501S ;... có mức độ bị hại thấp hơn nhiều so với các giống khác).
- Biện pháp thủ công, sử dụng bẫy bả
 - + Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng để phát hiện, bắt diệt các ổ trứng, sâu non.
 - + Sử dụng bẫy pheromone giới tính, bẫy bả chua ngọt để diệt trưởng thành.
 - + Bẫy cây trồng: Trên cánh đồng trồng ngô trồng một số diện tích ngô ngọt, ngô nếp sớm hơn so với thời vụ chung để dẫn dụ trưởng thành đẻ trứng và tiêu diệt sâu trên diện tích bẫy cây trồng.
- Biện pháp sinh học : Bảo vệ các thiên địch tự nhiên của sâu như : ong ý sinh trứng, ký sinh sâu non, các loại bắt mồi ăn thịt như bọ đuôi kìm, chân chạy,... để kiểm soát sâu non mới tuổi nhỏ.
- Biện pháp hóa học

+ Sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất như: Indoxacarb, Lufenuron, Spinetoram, Emamectin benzoate,... để phun trừ khi sâu đa số tuổi 1-3 (ngô giai đoạn cây 3 - 9 lá), phun vào sáng sớm hoặc chiều mát, phun tập trung vào nõn cây ngô. Phun 2 lần cách nhau 7-10 ngày, lượng nước phun 400 – 600 lít/ha.

b. Rệp cờ: Gieo trồng với mật độ vừa phải, bón phân cân đối hợp lý tạo cho cây khỏe hạn chế tác hại do rệp gây ra. Khi có mật độ rệp cao, cây ngô ở giai đoạn hình thành hạt trở về trước dùng một trong các loại thuốc sau để xử lý: Thiamethoxam (Actara 25WG,...); Imidacloprid (Sutin 5EC, Confidor 100SL,...);... để phun trừ theo liều khuyến cáo.

c. Bệnh khô vằn: Chăm sóc ngô đúng quy trình kỹ thuật, phát hiện kịp thời khi có tỷ lệ bệnh trên 10% có thể dùng các loại thuốc có hoạt chất như: Validamycin (Jinggang meizu 5-10WP, Validacin 3-5L, Vida 5WP...); Pencycuron (Moren 25WP); Hexaconazole (Anvil 5SC,...);... để phun trừ trên những diện tích bị gây hại nặng.

3.1.4. Cây mía

Chỉ đạo, hướng dẫn nông dân thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, không lưu mía gốc quá 3 năm, bón phân đầy đủ, cân đối, thường xuyên bóc tia lá già, làm sạch cỏ, tỉa cây vô hiệu,... tạo cho ruộng mía thông thoáng hạn chế sâu bệnh. Thường xuyên thăm đồng phát hiện và phòng trừ kịp thời khi sâu, bệnh đang ở diện hẹp, cụ thể các đối tượng như sau:

a. Bệnh chổi cỏ: Thực hiện tốt việc tiêu hủy cây bệnh, sử dụng giống sạch bệnh trong trồng mới mía. Những ruộng mía bị bệnh nặng cần phá bỏ, đào gốc phơi khô, trồng lại bằng giống sạch bệnh.

b. Bệnh than đen: Phát hiện và nhổ bỏ tiêu hủy những cây bị bệnh bằng cách đốt hoặc chôn lấp để hạn chế sự lây lan của bệnh.

3.1.5. Cây cam chanh

Để phòng trừ tốt sâu bệnh hại cam cần thường xuyên theo dõi để phát hiện và phòng trừ kịp thời, hiệu quả các đối tượng như: Sâu nhót, sâu vẽ bùa, nhện, rầy, rệp các loại,... đặc biệt vào các đợt ra lộc cụ thể:

a. Bệnh Greening: Phát hiện và loại bỏ nhanh chóng nguồn bệnh trên đồng ruộng, thay thế những vườn cam nhiễm bệnh Greening bằng giống sạch bệnh đồng thời kết hợp các biện pháp chống tái nhiễm bằng việc chăm sóc đúng kỹ thuật, phòng trừ thường xuyên rầy chổng cánh vào những thời kỳ có mật độ cao (lộc xuân, hè, thu...).

b. Rầy chổng cánh: Dùng các loại thuốc có hoạt chất như: Clothianidin, Dinotefuran; Azadirachtin; Matrine; Petroleum spray oil; Eucalyptol; Thiamethoxam;... để phun trừ theo liều lượng khuyến cáo.

c. Sâu vẽ bùa, sâu nhót: Dùng các loại thuốc có hoạt chất : Spinetoram; Anbamectin; Emamectin benzoate; Clofentezine; Azadirachtin; Matrine (Thảo

mộc); Petroleum spray oil; Eucalyptol;... để phòng trừ khi lộc mới nhú sau đó phun lại lần hai sau 5 - 7 ngày và kết thúc phun khi đa số lá lộc dài 20 - 30cm.

d. Nhện nhỡ: Dùng các loại thuốc có hoạt chất như : Anbamectin, Emamectin benzoate; Sulfur; Spinosad; pyridaben; propargite; Fenpropathrin; Fluazinam; liuyangmycin; Matrine; Petroleum spray oil;... để phun trừ, phun trừ 2 đợt theo liều khuyến cáo. Đợt 1, khi hoa tàn ; đợt 2, sau 2 - 3 tuần.

e. Bệnh nứt thân chảy mủ: Dùng dao sắc cạo mô bị bệnh rồi dùng thuốc có hoạt chất như : Fosetyl-aluminium, Mancozeb+Metalxyl; Metalaxyl với nồng độ 0.2% để quét lên miệng cạo 7 ngày một lần để trừ bệnh.

f. Bệnh vàng lá thối rễ :

- Tiêu hủy ngay những cây bị héo nặng không có khả năng hồi phục ra khỏi vườn cây ăn quả có múi, sau đó rắc vôi bột vào khu vực cây bị tiêu hủy để khống chế nguồn bệnh lây lan.

- Cần thoát nước tốt sau các trận mưa, xới xáo nhẹ 5 - 10cm vùng đất bốn xung quanh tán cây ăn quả có múi.

- Tưới thuốc trừ nấm bệnh có hoạt chất Fosetyl-aluminium (Aliette 800WG...); Mancozeb+Metalxyl (Ridomil gold 68WG); Dimethomorph (Insuran 50WG) theo khuyến cáo của nhà sản xuất 2 lần, mỗi lần cách nhau 3 ngày vào toàn bộ vùng đất trồng ăn quả có múi.

- Tưới phân kích rễ theo khuyến cáo của nhà sản xuất, tưới 1 lần/tuần, tưới theo hình tán cây ăn quả có múi để bộ rễ tơ mới phát triển (có thể sử dụng phân bón TrimixDT, Super Roots, Trimix DT02, Rootwet để tưới). Sau đó tưới đủ ẩm thường xuyên trong những ngày nắng nóng và bón bổ sung phân bón N-P-K theo đúng quy trình.

3.1.6. Cây chè: Thực hiện chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật, tạo điều kiện cho chè phát triển tốt như bón phân cân đối, làm sạch cỏ, đốn chè đúng kỹ thuật, hái đúng kỳ,...Theo dõi và phòng trừ kịp thời các đối tượng như: Rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muối, bệnh thối búp, bệnh phòng lá, bệnh chám xám,...bằng các loại thuốc được phép sử dụng trên cây chè.

3.1.7. Cây sắn :

Đối với bệnh khảm lá sắn:

- Trên những vùng đã nhiễm bệnh, sau khi thu hoạch cần thực hiện tốt công tác vệ sinh đồng ruộng, tiêu hủy triệt để tàn dư cây bệnh trên đồng ruộng trước khi trồng lại.

- Không vận chuyển thân, lá sắn từ vùng đang nhiễm bệnh sang các vùng khác. Không nên trồng lại sắn hoặc cây ký chủ của bọ phấn trắng (Cây thuốc lá, cà chua, cà pháo, bầu bí, khoai tây, ớt,...) ở những vùng đã bị bệnh ít nhất một vụ.

- Chọn giống kháng bệnh, sạch bệnh; không trồng các giống nhiễm bệnh nặng (HLS11). Sau trồng thường xuyên theo dõi phát hiện và phun trừ môi giới, tiêu hủy cây bệnh kịp thời để hạn chế bệnh lây lan trên đồng ruộng.

- Trên những diện tích nhiễm bệnh:

- + Cần xác định mức độ bị bệnh và giai đoạn sinh trưởng để áp dụng biện pháp tiêu hủy phù hợp. Thực hiện nhổ tiêu hủy cây bị bệnh (bao gồm cả củ) đối với những ruộng sản có tỉ lệ nhiễm bệnh nhẹ; đối với những ruộng sản có tỉ lệ bệnh trên 70% thì tiến hành nhổ tiêu hủy toàn bộ cây trên ruộng; đối với các ruộng sản có cho thu hoạch thì tận thu củ trước khi tiêu hủy.

- + Nếu có bộ phận phải phun thuốc trừ bộ phận trên cả ruộng nhiễm bệnh và những ruộng xung quanh để ngăn chặn bộ phận di chuyển sang nơi khác truyền bệnh trước khi tiêu hủy cây sản từ 2-3 ngày bằng các loại thuốc có hoạt chất như: Dinotefuran, Pymetrozine, Nitenpyram, Imidacloprid,...

- + Sau tiêu hủy 15-30 ngày kiểm tra các diện tích đã xử lý, nếu phát hiện còn bệnh hoặc củ sản còn sót mọc mầm thì tiếp tục nhổ tiêu hủy triệt để.

3.2. Giải pháp về tổ chức chỉ đạo

3.2.1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Thực hiện tốt việc xây dựng dự tính dự báo, phương án phòng trừ SVGH cụ thể cho từng vụ sản xuất, từng đối tượng cây trồng làm cơ sở cho các địa phương xây dựng kế hoạch theo dõi và chỉ đạo phòng trừ.

- Phối hợp chỉ đạo các trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện làm tốt công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo SVGH chính trên đồng ruộng theo quy chuẩn quốc gia hiện hành về điều tra phát hiện SVGH cây trồng nông, lâm nghiệp.

- Chủ động tham mưu, đề xuất biện pháp phòng trừ hiệu quả phù hợp với đặc điểm của từng vùng cho các cấp, các ngành liên. Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành liên quan từ tỉnh đến huyện, xã nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác triển khai chỉ đạo nông dân phòng trừ bảo vệ an toàn sản xuất.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, thông tin truyền truyền tình hình SVGH và các biện pháp kỹ thuật phòng trừ có hiệu quả để bà con nông dân biết để thực hiện.

- Thực hiện tốt công tác thanh kiểm tra việc lưu thông, buôn bán và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn nhằm đảm bảo hiệu quả phòng trừ và quyền lợi của người dân.

- Kiểm tra phúc tra thủ tục kiểm dịch thực vật đối với các tổ chức cá nhân nhập khẩu và kinh doanh giống cây trồng nhập nội; theo dõi tình hình phát sinh gây hại của các sinh vật gây hại lạ, đối tượng kiểm dịch thực vật để kịp thời ngăn chặn không để lây lan trên diện rộng.

3.2.2 Đối với UBND các huyện, Thành, Thị

- Thành lập tổ công tác hoặc ban chỉ đạo sản xuất, phòng chống SVGH cây trồng cấp huyện, xã; đồng thời phối hợp với lực lượng liên quan trên địa bàn triển khai các biện pháp phòng trừ nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh trên địa bàn, đặc biệt đối với bệnh đạo ôn, bệnh lem lép hạt, nhện gié, bệnh bạc lá vi khuẩn, rầy các loại, chuột ... hại lúa; sâu keo mùa thu hại ngô; bệnh chổi cổ hại mía; bệnh khảm lá sắn; greening, vàng lá thối rễ hại cam,...

- Chỉ đạo các xã, các ban ngành trên địa bàn hướng dẫn nông dân gieo trồng đúng thời vụ, chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật và thực hiện nghiêm công tác phòng trừ sâu bệnh hại khi cần thiết.

- Thường xuyên quan tâm chỉ đạo và tạo mọi điều kiện cho Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ. Khi có chủ trương của cấp trên, tổ chức chỉ đạo các ban ngành liên quan trên địa bàn cùng phối hợp với ngành bảo vệ thực vật triển khai chỉ đạo nông dân phòng trừ.

- Khi có dịch xảy ra, UBND huyện đề ra chủ trương, chính sách và phối hợp các cơ quan chuyên môn trên địa bàn để tổ chức chỉ đạo bà con nông dân phòng trừ có hiệu quả.

3.2.3. Trung tâm dịch vụ nông nghiệp

- Phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho từng cán bộ phụ trách từng vùng. Thực hiện tốt công tác về điều tra phát hiện, dự tính dự báo theo quy chuẩn quốc gia hiện hành. Phát hiện sớm và nắm bắt kịp thời tình hình phát sinh SVGH chính ở từng vùng cụ thể. Kịp thời tham mưu cho UBND huyện ra chủ trương phòng trừ, đồng thời phối kết hợp với các ban, ngành liên quan và cấp ủy chính quyền các xã chỉ đạo nông dân thực hiện có hiệu quả khi cần thiết.

- Quản lý tốt việc khuyến cáo, buôn bán, sử dụng thuốc BVTV trên địa bàn. Phát hiện và tham mưu kịp thời cho các cấp chính quyền xử lý ngăn chặn việc buôn bán thuốc kém chất lượng, thuốc ngoài danh mục, thuốc quá hạn sử dụng làm ảnh hưởng đến kết quả phòng trừ.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định đối với cơ quan chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật.

3.2.4. Đối với UBND các xã, phường, thị trấn

- Chỉ đạo nông dân thực hiện gieo trồng đúng thời vụ, chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật theo đề án sản xuất của UBND huyện.

- Tổ chức phân công cán bộ triển khai cụ thể các nội dung trong công tác phòng chống dịch bệnh hại cây trồng đến tận địa bàn các xóm, bản và các hộ nông dân.

- Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn, cán bộ làm công tác bảo vệ thực vật để tổ chức thực hiện tốt công tác phòng trừ SVGH trên địa bàn.

Trên đây là dự báo một số SVGH chính trên một số cây trồng chính và phương án tổ chức phòng trừ bảo vệ sản xuất vụ Xuân 2023. Đề nghị các địa

phương căn cứ tình hình cụ thể của địa phương mình để có kế hoạch theo dõi cụ thể nhằm bảo vệ sản xuất vụ Xuân thắng lợi./.

Nơi nhận :

- Cục BVTV, TTBBTV K4 (để báo cáo);
- Sở NN&PTNT (để báo cáo);
- Các phó chi cục trưởng (để biết);
- Các Trung tâm DVNN (để thực hiện);
- Phòng NN&PTNT các huyện, thành, thị (để phối hợp);
- Lưu VT.

CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Đức